

Số: 2174/QĐ-UBND

Hợp Thịnh, ngày 06 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án: Khắc phục, sửa chữa đường GTNT, Kênh mương nội đồng do bão số 11 gây ra trên địa bàn xã Hợp Thịnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP THỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực Quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Hợp Thịnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện dự án; Quyết định 105/QĐ-VP ngày 27/11/2025 của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp

Thịnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu bước chuẩn bị đầu tư dự án; Quyết định số 123/QĐ-VP ngày 28/11/2025 về việc phê duyệt chỉ thầu gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT dự án; Quyết định số 124/QĐ-VP ngày 28/11/2025 về việc phê duyệt chỉ thầu gói thầu Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, dự án: Khắc phục, sửa chữa đường GTNT, Kênh mương nội đồng do bão số 11 gây ra trên địa bàn xã Hợp Thịnh.;

Theo thông báo kết quả thẩm định số 15/KQTĐ ngày 06/12/2025 của Phòng Kinh tế và Tờ trình số 15a/TTr-VP ngày 02/12/2025 của Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Khắc phục, sửa chữa đường GTNT, Kênh mương nội đồng do bão số 11 gây ra trên địa bàn xã Hợp Thịnh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khắc phục, sửa chữa đường GTNT, Kênh mương nội đồng do bão số 11 gây ra trên địa bàn xã Hợp Thịnh.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh.

4. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Khôi Long.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Dự án nhóm C, công trình NNPTNT, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

7. Mục tiêu đầu tư dự án: Đảm bảo an toàn giao thông, phục hồi hạ tầng phục vụ sản xuất, khả năng tiêu, thoát nước ổn định phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành hệ thống kênh mương; giảm thiểu nguy cơ úng ngập, thất thoát nước; góp phần cải thiện hạ tầng thủy lợi, phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Đường thôn Xuân Giang

Tuyến 1 (dài 290 m): Đường bê tông hiện trạng rộng trung bình 2,0 m; nền đường đã được mở rộng đạt trung bình 5,0 m. Thực hiện mở rộng mặt đường thêm 2,0 m về một phía, nâng tổng bề rộng mặt đường sau cải tạo đạt 4,0 m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng (BTXM) mác 250, đá 2×4, dày 20 cm; móng cấp phối đá dăm dày 15 cm.

Tuyến 2 (dài 85 m): Đường bê tông hiện trạng rộng trung bình 2,0 m, đã xuống cấp. Thực hiện phá dỡ mặt đường cũ và thi công mới mặt đường BTXM

mác 250, đá 2×4, dày 20 cm; móng cấp phối đá dăm dày 15 cm. Bề rộng mặt đường sau cải tạo đạt 4,0 m.

b) Kênh thôn Đồng Đạo

Kênh hiện trạng xây gạch kích thước B×H = 70×80 cm, bị đổ vỡ nhiều đoạn sau bão số 11. Nội dung cải tạo gồm: Phá dỡ kênh cũ hư hỏng với chiều dài khoảng 480 m; Xây mới kênh hoàn chỉnh kích thước B×H = 70×80 cm: đáy kênh bê tông M200, đá 1×2 dày 15 cm trên lớp cát lót dày 5 cm; thành kênh xây gạch bê tông không nung (BTKN) vữa xi măng mác 75; Bố trí giằng chống ngang BTCT mác 250, đá 1×2 với khoảng cách 5 m/1 giằng; khe phòng lún bằng giấy dầu 1 lớp với khoảng cách 10 m/1 khe; Tại các lổ sang đồng, bố trí 21 tấm đan BTCT kích thước 100×95×20 cm, bê tông mác 250, đá 1×2.

c) Kênh thôn Trung Sơn

Kênh hiện trạng kích thước B×H = 40×40 cm, bị dò rỉ do lớp trát bong tróc, có nguy cơ mất ổn định do một bên giáp đường bê tông, một bên giáp ao. Nội dung cải tạo gồm: Vệ sinh lòng kênh, nạo vét bùn đất; cạo bỏ lớp trát hư hỏng, trát lại thành kênh và láng đáy kênh hiện trạng với chiều dài khoảng 110 m; Đắp bờ kênh phía ao bằng đất C3, độ chặt K = 0,90; chiều rộng mặt bờ khoảng 1,0 m, chiều cao trung bình 1,2 m, mái taluy 1:1,5; vét bỏ lớp bùn, đất hữu cơ dày trung bình 50 cm.

d) Sửa chữa đê bồi thôn Phú Cốc

Đoạn đê bồi bị nước lũ tràn qua gây sới lở nên, diện tích ảnh hưởng khoảng 50,32 m². Nội dung sửa chữa gồm: Phá dỡ 51,29 m² mặt đường bê tông cũ do nền bị sới lở hàm ếch; Đắp bù nền đê, hồ sới lở bằng đất C3, độ chặt K = 0,95; Đắp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15 cm; Rãi ni lông và đổ bê tông hoàn trả mặt đường đê bồi BTXM mác 250, đá 2×4, dày 20 cm với diện tích 51,29 m².

đ) Sửa chữa đê bồi và kênh nội đồng thôn Đa Hội

Sửa chữa đê bồi: Đoạn sới lở hàm ếch dài 18 m, diện tích ảnh hưởng khoảng 48,17 m²; Phá dỡ 35,85 m² mặt đường bê tông cũ; Đắp nền đê, hồ sới lở và nền đường bằng đất C3, độ chặt K = 0,95; Đắp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15 cm; Rãi ni lông, đổ bê tông hoàn trả mặt đường BTXM mác 250, đá 2×4, dày 20 cm với tổng diện tích 71,75 m². Đoạn sới lở mái taluy dài 31 m: Đắp bù mái taluy bằng đất C3, độ chặt K = 0,95. Đoạn sới lở mái taluy cạnh rãnh thoát nước đường BTNC dài 50 m: Đắp bù mái taluy bằng đất C3, độ chặt K = 0,95.

Sửa chữa kênh nội đồng thôn Đa Hội: Kênh hiện trạng kích thước B×H = 100×140 cm, bị đổ tại 2 đoạn với chiều dài L1 = 67 m, L2 = 16 m. Nội dung sửa chữa gồm: Phá dỡ và xây lại các đoạn kênh bị đổ; Đáy kênh bê tông M200, đá 1×2 dày 15 cm trên lớp cát lót dày 5 cm; Tường kênh xây gạch BTKN vữa xi măng mác 75, dày 33 cm, cao trung bình 1,4 m; trát hoàn thiện vữa mác 75 dày 1,5 cm; Bố trí giằng chống BTCT mác 250 với khoảng cách 5 m/1 giằng; khe lún giấy dầu 1 lớp với khoảng cách 10 m/1 khe.

Xây mới kênh nội đồng thôn Đa Hội: Cứng hóa đoạn kênh đất từ công qua đê đến kênh xây B = 100 cm, chiều dài khoảng 114 m, kích thước kênh mới BxH = 50x60 cm. Kết cấu: đáy kênh bê tông M200, đá 1x2 dày 15 cm trên lớp cát lót 5 cm; tường kênh xây gạch BTKN vữa xi măng mác 75, dày 22 cm, cao trung bình 60 cm; trát hoàn thiện vữa mác 75 dày 1,5 cm; bố trí giằng chống và khe lún tương tự kênh sửa chữa.

Các nội dung khác: Thực hiện theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt; chỉ giới xây dựng theo bản vẽ mặt bằng tổng thể công trình.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Tiêu chuẩn 10380 – 2014: Đường giao thôn nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- Tham khảo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCCS 39 - 2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông;
- Tiêu chuẩn TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; Tiêu chuẩn TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn TCVN 4118:2021: Công trình thủy lợi hệ thống dẫn chuyên nước - Yêu cầu thiết kế;
- QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi.
- TCVN 12485: 2020 Công trình Thủy lợi – Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo Kinh tế kỹ thuật.
- TCVN 4253: 2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công – Yêu cầu thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 8216:2009 - Công trình thủy lợi - thiết kế kênh;
- Tiêu chuẩn TCVN 5574:2018 - thiết kế kết cấu bê tông và BTCT
- TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn 5575:2024 - thiết kế kết cấu thép;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư là: 2.379.536.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.), trong đó:

Chi phí xây lắp	1.936.429.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	63.186.000	đồng
Chi phí tư vấn:	115.663.000	đồng
Chi phí khác:	1.000.000	đồng
Chi phí dự phòng:	263.258.000	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn vốn đầu tư: Từ quỹ ban vận động cứu trợ xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn Quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không thực hiện.

15. Các nội dung khác (nếu có): Theo nội dung Văn bản số 15/KQTĐ ngày 06/12/2025 của Phòng Kinh tế xã và Hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo.

Điều 2. Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh có trách nhiệm tổ chức, thực hiện các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng .

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế xã, kho bạc nhà nước khu vực VI và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- LĐVP, CVKT;
- Ban QLDA ĐTXD Hiệp Hòa (ph/th);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thắng